

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày 12-02-2020.

*“V/v Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Bảy.

+ Bà Hoàng Thị Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Là Thư ký tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/01/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: anh Bùi Thanh X, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hòa Phú, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

-Bị đơn: chị Hà Thị Kim L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hòa Phú, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Thanh X trình bày:

Anh X và chị L tự nguyện yêu nhau và cưới nhau vào năm 1997 nhưng không

đăng ký kết hôn, đến ngày 15/01/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thì chung sống hạnh phúc. Khoảng cuối năm 2017, anh X phát hiện chị L có biểu hiện không chung thủy, anh X nghi ngờ từ đó hai bên xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2017, giữa anh X và chị L xảy ra mâu thuẫn, chị L đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, thỉnh thoảng về thăm con rồi lại đi, chị L không quan tâm đến anh X nữa, anh X và gia đình nhiều lần thuyết phục nhưng chị L không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh X và chị L đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay, anh X ở với các con, tự lo cuộc sống bản thân và lo cho con, phần ai tự làm ăn không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh X xét thấy không còn tình cảm với chị L nữa, mâu thuẫn của vợ chồng anh X quá trầm trọng, anh X đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

Về con chung: anh X với chị L có 05 con chung là: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 15/4/1998; Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 04/02/2001; Bùi Hà Hữu T, sinh ngày 23/9/2006; Bùi Hà Anh T, sinh 07/03/2009 và Bùi Hà Anh T, sinh ngày 16/9/2014. Hiện 02 con đầu đã thành niên có đủ khả năng lao động. Còn lại 03 con nhỏ là T, Thg và Thy hiện anh X đang chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi ly hôn, anh X có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Hà Thị Kim L: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị L (niêm yết công khai) theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của mình theo đúng quy định bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa bị

đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó HĐXX vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- **Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

**Về hôn nhân:* Căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, Đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh Bùi Thanh X được ly hôn với chị Hà Thị Kim L.

**Về con chung:* Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ; xét nguyện vọng của anh X và thực tế anh X đã chăm sóc nuôi dưỡng các con từ khi chị L đi làm ăn xa đến nay, đề nghị HĐXX giao 03 con chung chưa đủ tuổi thành niên cho anh X chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xem xét.

**Tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:* Anh X không yêu cầu nên không xem xét.

* *Về án phí:* Buộc anh Bùi Thanh X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Bùi Thanh X khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với chị Hà Thị Kim L, có nơi cư trú là thôn 2, xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị L hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị L.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Yêu cầu ly hôn: anh X và chị L tự nguyện yêu nhau, chung sống với nhau từ năm 1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú, thành phố Plei Ku vào ngày 15/01/2013. Do đó, hôn nhân giữa anh X với chị L là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với anh X, nhận thấy chị L không chung thủy, nghi ngờ, cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh X khởi kiện yêu cầu xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị L đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh X và tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt. Như vậy chị L không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với anh X.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ. Anh X và chị L, hai bên nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng cũng không thành. Đã hơn 01 năm qua đôi bên không chung sống, không còn quan tâm đến nhau, làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh X yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: anh X với chị Loan có 05 con chung là: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 15/4/1998; Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 04/02/2001; Bùi Hà Hữu T, sinh ngày 23/9/2006; Bùi Hà Anh T, sinh 07/03/2009 và Bùi Hà Anh Thy, sinh ngày 16/9/2014. Hiện 02 con đầu đã thành niên có đủ khả năng lao động. Còn lại 03 con nhỏ là T, Th và Thy hiện anh X đang chăm sóc nuôi dưỡng, anh X nhận chăm sóc nuôi dưỡng nên giao cả 03 con chung cho anh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh X.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Thanh X được ly hôn với chị Hà Thị Kim L.

1.2 Về con chung: Giao con chung Bùi Hà Hữu T, sinh ngày 23/9/2006; Bùi Hà Anh Th, sinh 07/03/2009 và Bùi Hà Anh Thy, sinh ngày 16/9/2014, cho anh X

chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi có căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Anh X không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

1.5 Về án phí: Buộc anh Bùi Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002681, ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/02/2020) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKSND H.Chư Păh;
- THA DS H.Chư Păh;
- Dương sự;
- UBND xã An Phú, T.p Plei ku;
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

